

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Á
- Ông Nguyễn Hữu Tố

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Xuân M, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định, địa chỉ: Số nhà G, Đường T, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông M trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà L kết hôn năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, đăng ký kết hôn số 43 ngày 07/6/1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng không còn tình cảm và hạnh phúc, đã tự dàn xếp nhưng không thành. Nay ông M yêu cầu ly hôn bà L.

Về con chung: Có 03 con tên **Lê Xuân B** sinh năm 1989, **Lê Thị Hồng Đ** sinh năm 1990 và **Lê Thị Kiều D** sinh năm 1991. Các con đã lớn, có gia đình riêng nên ông **M** không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **L** không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của ông **M**, không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa, bà **L** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông **M** đăng ký kết hôn năm nào bà không nhớ nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **H**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 30 năm thì có mâu thuẫn. Nay ông **M** yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Có 03 con tên **Lê Xuân B** sinh năm 1989, **Lê Thị Hồng Đ** sinh năm 1990 và **Lê Thị Kiều D** sinh năm 1991. Các con đã lớn, có gia đình riêng, khi ly hôn bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Bà và ông **M** có tài sản chung là một thửa đất có nhà ở tại **thôn K, xã H**, vật dụng trong nhà như 02 tủ thờ, 02 tủ quần áo và các vật dụng khác, 01 xe mô tô Airblake, 01 xe Honda 86, 01 xe đạp... Yêu cầu giải quyết phân chia theo pháp luật. Ngoài ra còn có 01 thửa đất tại **xã H** là tài sản của con tên **Lê Thị Kiều D** hiện ông **M** đang đứng tên, yêu cầu trả lại cho con. Tiền mua bảo hiểm đến năm 2025 khoảng 60.000.000 đồng của cháu gái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông **M** yêu cầu ly hôn bà **L** nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: **Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định** nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Ông **M** đề nghị vắng mặt nên theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bà **L** có hộ khẩu thường trú tại **thôn K, xã H** nhưng vắng mặt tại địa phương không rõ khi nào trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định. Tuy nhiên, bà **L** không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của bà **L** liên quan đến yêu cầu của ông **M** được. Trong thời gian giải quyết vụ án, bà **L** không có ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và ý kiến của bà **L** tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Thời gian qua, ông **M** và bà **L** không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, không còn chung sống với nhau. Ông **M** vẫn giữ yêu cầu ly hôn và bà **L** cũng đồng ý ly hôn. Có thể thấy, hôn nhân giữa ông **M** và bà **L** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho ông **M** ly hôn bà **L**.

[5] Về con chung: Các con đều trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không xem xét việc nuôi con sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản: Ông **M** không có yêu cầu về tài sản nên không xem xét. Tại phiên tòa, bà **L** mới có yêu cầu giải quyết về tài sản nên không thụ lý để giải quyết trong cùng vụ án. Bà **L** có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn để được thụ lý giải quyết thành một vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông **M** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông **Lê Xuân M**. Cho ly hôn giữa ông **Lê Xuân M** và bà **Nguyễn Thị L**.

2. Về con chung: Các con tên **Lê Xuân B** sinh năm 1989, **Lê Thị Hồng Đ** sinh năm 1990 và **Lê Thị Kiều D** sinh năm 1991 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ông **M** và bà **L** ly hôn.

3. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông **Lê Xuân M** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông **M** đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006004 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, ông **M** đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng